

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị
về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 30-NQ/TW), Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tạo sự thống nhất cao trong tư tưởng, nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ, chính quyền, quân và dân thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW để cụ thể hóa thành các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của thành phố nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng và cả hệ thống chính trị của thành phố trong việc tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW.

3. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được đề ra trong Nghị quyết số 30-NQ/TW, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố. Gắn thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW với thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI; phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trong triển khai thực hiện.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trên cơ sở khai thác hiệu quả các lợi thế, tiềm năng, mối tương quan, liên kết với các tỉnh khu vực đồng bằng Sông Hồng, các tỉnh ven biển Bắc Bộ, các tỉnh phía Bắc và kết nối quốc tế. Hải Phòng không chỉ là một cực phát triển quan trọng trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh mà còn là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước.

- Phát triển thành phố phù hợp với mục tiêu phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng tại Nghị quyết số 30-NQ/TW, hệ thống quy hoạch quốc gia, trong đó có Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong Vùng và tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, khai thác hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế.

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách có tính đột phá, khả thi cao, tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, văn minh, hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao. Chú trọng đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi số, tạo động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố Hải Phòng.

- Các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng phải gắn liền với mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Chú trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, truyền thống cách mạng của các tầng lớp Nhân dân Hải Phòng.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Phát huy vai trò đầu tàu của tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, phối hợp xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á. Xây dựng và phát triển Hải Phòng xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị

loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại mở rộng, hội nhập quốc tế hiệu quả.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 12,8%/năm. Đến năm 2030, GRDP thành phố tăng khoảng 5 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó: công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 50,9%, dịch vụ chiếm 42,8%, nông, lâm và thủy sản chiếm 1,2%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 5,1%. Tỷ trọng đóng góp vào GRDP vùng đồng bằng Sông Hồng trên 19,4%;

- GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 520 triệu đồng/người (giá hiện hành), tương đương khoảng 20.280 USD;

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 8,9 - 10,7%;

- Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đến năm 2030 đạt 56 - 59%;

- Kinh tế số đạt khoảng 40% GRDP thành phố;

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 74 - 76%;

- Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: mầm non đạt 85%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 90%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52%;

- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3,0%;

- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 0,1%;

- Đạt 45 giường bệnh/vạn dân và 16 bác sỹ/vạn dân;

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98% số dân;

- Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch đạt 100%;

- Có 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%;
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%;
- Bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính của thành phố giảm ít nhất 43,5% so với Kịch bản phát triển thông thường.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Hải Phòng trở thành thành phố cảng lớn trên thế giới và khu vực, là thành phố dịch vụ - công nghiệp xanh, thông minh, hiện đại, có trình độ phát triển cao trong nhóm các thành phố cảng hàng đầu Châu Á và thế giới.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, các chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng đồng bằng Sông Hồng đối với cả nước, của thành phố Hải Phòng đối với vùng đồng bằng Sông Hồng.

Tuyên truyền về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW với quy mô sâu rộng, nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng để tạo đột phá phát triển vùng.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Nghiên cứu, xây dựng các Đề án: (i) Đề án xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm logistics quốc tế hiện đại, gắn với cảng biển quốc tế kết nối với các tuyến hành lang, vành đai kinh tế; (ii) Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; (iii) Đề án xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hải Phòng; (iv) Đề án phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; (v) Đề án mở rộng không gian khu kinh tế ven biển Hải Phòng. Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng và phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế, hàng đầu Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh

trong vùng đồng bằng Sông Hồng trong việc rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển vùng và đẩy mạnh liên kết vùng.

Hoàn thành lập và phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng, hài hòa giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Tổ chức không gian phát triển thành phố bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế, gồm: Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; Kết nối kinh tế trục cao tốc phía Đông gồm 04 tỉnh/thành phố Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh; phát triển các chuỗi đô thị hiện đại và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối với các cực tăng trưởng trong vùng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế trên toàn tuyến, hành lang kinh tế.

3. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát huy vai trò đầu tàu, động lực trong vùng

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo định hướng phát triển 03 trụ cột chủ yếu: công nghiệp công nghệ cao; cảng biển - logistics; du lịch - thương mại. Tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng ứng dụng mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Hình thành, phát triển và nâng cao hiệu quả các trung tâm đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh tế mới.

Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng tập trung phát triển công nghiệp mũi nhọn: cơ khí chế tạo; điện tử - tin học; công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn. Tăng cường liên kết hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt. Tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng, quỹ đất để thu hút ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao, các dự án công nghiệp quy mô lớn có công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách.

Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Phát triển chuyên canh hàng hóa tập

trung, quy mô lớn, sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp sạch, bảo đảm an toàn thực phẩm, sử dụng công nghệ cao, dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng ven biển. Bảo vệ, giữ gìn môi trường, không gian, cảnh quan, gắn phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

Phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại; là một trong những trọng điểm của cả nước về phát triển các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động cảng biển, dịch vụ logistics, đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và quốc tế; tập trung phát triển các dịch vụ mũi nhọn như dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ logistics và các dịch vụ tiềm năng khác. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực biển; xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, gắn với xây dựng thương hiệu du lịch Hải Phòng. Thu hút đầu tư phát triển mạnh các loại hình du lịch biển đảo. Tập trung xây dựng sản phẩm hoàn chỉnh đưa vào phục vụ như: Cát Bà gắn với du lịch biển, thể thao, giải trí, nghỉ dưỡng; Đồ Sơn gắn với các hoạt động thể thao (golf), dịch vụ casino, nghỉ dưỡng, tâm linh; trung tâm thành phố gắn với du lịch văn hóa, ẩm thực, mua sắm; khu vực ngoại thành gắn với du lịch y tế, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu kết nối phát triển sản phẩm du lịch liên vùng trong khu vực đồng bằng Sông Hồng đặc biệt với thủ đô Hà Nội và các tỉnh, thành phố có tiềm năng về phát triển luồng khách du lịch.

4. Phát triển hệ thống đô thị bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý đô thị; nghiên cứu mở rộng không gian đô thị. Phát triển thành phố Hải Phòng xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lấy định hướng phát triển giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch đô thị (theo mô hình TOD). Hoàn thành việc di chuyển Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố sang phía Bắc sông Cấm.

Chú trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; hình thành khu đô thị biển gắn với khu công nghiệp, dịch vụ, thương mại và khu dân cư. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn; xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về phát triển nhà ở xã hội. Tăng cường rà soát, quy hoạch, xây dựng các khu tái định cư bảo đảm phục vụ triển khai các dự án hạ tầng, phát triển đô thị tại các địa phương. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đô thị.

Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT... Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình văn hóa, thể thao, du lịch. Chú trọng đầu tư các công trình thu gom, xử lý rác thải, nước thải, chống ngập. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, đê biển; đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ưu tiên huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó vốn nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, đầu tư các công trình trọng điểm, động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng, kết nối các phương thức vận tải khác nhau. Phối hợp nghiên cứu, đề xuất đầu tư tuyến đường sắt cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đồng thời cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận. Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa. Nghiên cứu đầu tư các bến cảng biển mới, khai thác hiệu quả cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện; đầu tư xây dựng cảng Nam Đồ Sơn. Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cát Bi theo quy hoạch; nghiên cứu xây dựng Cảng hàng không quốc tế tại huyện Tiên Lãng.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm khoa học và công nghệ của vùng duyên hải Bắc Bộ; trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển.

Chú trọng nghiên cứu phát triển công nghệ lõi, công nghệ số. Củng cố, tăng cường năng lực cho các tổ chức khoa học và công nghệ; tập trung đầu tư một số đơn vị có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ biển.

Phát triển doanh nghiệp công nghệ số; tăng tỷ trọng kinh tế số trong GRDP. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia, thành lập, mở rộng quy mô các quỹ phát

triển khoa học - công nghệ, thành lập và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu; phát triển thị trường khoa học - công nghệ hiệu quả, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ.

Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh. Cung cấp ứng dụng, dịch vụ thiết yếu trên môi trường số cho người dân, bảo đảm an toàn thông tin. Hoàn thành triển khai định danh số và bản đồ số, địa chỉ số để hỗ trợ thanh toán và sử dụng dịch vụ số trên toàn thành phố.

Phát triển các Trung tâm ươm tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Câu lạc bộ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Xây dựng và phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của thành phố liên kết với mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng tập trung phát triển năng lực, kỹ năng, phẩm chất cho người học, hài hoà đức, trí, thể, mỹ. Đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em. Chuẩn hoá và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; hình thành phẩm chất, năng lực người học, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, xã hội hoá và tự chủ đại học. Mở rộng các đối tượng được thụ hưởng chính sách miễn, giảm học phí.

Tập trung đầu tư, thu hút mọi nguồn lực xã hội cho phát triển nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ. Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu chuyên ngành về biển đạt trình độ khu vực và quốc tế, đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu về khoa học và công nghệ biển. Nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ, hội nhập quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch và phân bổ hợp lý lao động; hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

7. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương “Đầu tư cho công tác an sinh, phúc lợi xã hội đi trước so với tốc độ phát triển kinh tế”. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về ưu đãi người có công, giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội; quan tâm, tạo điều kiện cho các đối tượng yếu thế tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; văn hóa là nguồn lực, động lực nội sinh trong xây dựng và phát triển thành phố; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa và đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ. Phát triển công nghiệp văn hóa; huy động nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội đầu tư và tổ chức đời sống văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp trong xã hội; mọi người dân đều được hưởng thụ các dịch vụ văn hóa và vui chơi giải trí, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần Nhân dân.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch. Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của quê hương, đất nước trong Nhân dân thành phố. Đầu tư cho Di tích quốc gia đặc biệt Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm và di tích danh lam thắng cảnh quần đảo Cát Bà; tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa; bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt các hoạt động văn hóa, tuyên truyền, quảng bá về thành phố Hải Phòng gắn kết với phát triển du lịch, như: Sân khấu truyền hình; Lễ hội Hoa Phượng Đỏ, các cuộc thi sáng tác văn học, nghệ thuật; các hoạt động giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế... Phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân; đổi mới, tăng cường các chương trình biểu diễn nghệ thuật, sân khấu hóa, các hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở, nhất là tại các khu công nghiệp, địa bàn tập trung nhiều công nhân lao động, tại các địa bàn ít có điều kiện được tiếp cận... Xây dựng, nâng cấp, hiện đại hoá một số công trình văn hóa bảo đảm tổ chức các sự kiện văn hóa cấp quốc gia, quốc tế.

Phát triển đồng bộ hệ thống y tế theo quy hoạch; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc

sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân. Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tuyến thành phố để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối nhằm giảm tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương. Gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Tăng cường quản lý dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch, khám, chữa bệnh và phòng, chống tiêu cực. Duy trì tỷ lệ sinh, khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính.

Đa dạng hóa công tác khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học tiên tiến, hiện đại, chuyên sâu. Phát huy thế mạnh về y học biển để trở thành trung tâm y tế biển hàng đầu của cả nước.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững đất đai; bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án “treo”, sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hoá thị trường.

Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải. Triển khai nhanh các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại thay cho việc chôn lấp; khuyến khích các dự án đốt rác phát điện, điện gió, điện mặt trời. Kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, khu vực đông dân cư.

Phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Bà.

9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng Hải Phòng thành khu vực phòng thủ vững chắc đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với Quân khu 3 và cả nước; trở thành thành

phổ an toàn, thân thiện; tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho Nhân dân thành phố. Xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên nền tảng thế trận toàn dân.

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh nhằm vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước và thành phố. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Tăng cường củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước, các địa phương và vùng lãnh thổ trên thế giới, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, thu hút FDI, ODA. Làm tốt công tác đối ngoại nhân dân.

10. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động, hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm thể chế hóa Nghị quyết số 30-NQ/TW và Kế hoạch bằng các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và các nghị quyết chuyên đề; thường xuyên tổ chức giám sát việc thực hiện.

2. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 30-NQ/TW và Kế hoạch.

3. Các Ban của Thành ủy, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có kế hoạch thường xuyên quán triệt, phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 30-NQ/TW và Kế hoạch.

4. Các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch.

5. Văn phòng Thành ủy phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các Ban của Thành ủy tham mưu, đề xuất việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, điều chỉnh, bổ khuyết lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (để báo cáo),
 - Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
 - Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
 - Các ban, cơ quan Thành ủy,
 - Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
 - UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố,
 - Các sở, ban, ngành thành phố,
 - Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
 - Lưu Văn phòng Thành ủy.
- (để thực hiện)

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Lê Tiến Châu